

Số: 162/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Thông qua chủ trương phương án sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2022 hỗ trợ các xã đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Văn bản số 659/BKHĐT-KTNN ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án thuộc các Chương trình MTQG;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 340/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; số 24/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên;

Thực hiện Văn bản số 734- CV/VPTU ngày 15/11/2021 của Văn phòng Tỉnh ủy về việc thông báo ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022.

Xét Tờ trình số 233/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương phương án sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2022 hỗ trợ các xã đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình MTQG xây

dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên, Báo cáo thẩm tra số 929/BC-KTNS ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh - tế Ngân sách Hội đồng đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua chủ trương sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2022 hỗ trợ các xã đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên (*Chi tiết như Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ quy định của pháp luật, chỉ đạo các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố, chủ đầu tư và các đơn vị liên quan thực hiện khảo sát, lập, trình, thẩm định, phê duyệt quyết định đầu tư công trình, dự án theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các quy định của pháp luật hiện hành; thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí để triển khai thực hiện dự án; các địa phương cân đối, bố trí phân vốn theo cơ cấu nguồn vốn của mỗi cấp ngân sách vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và hàng năm đảm bảo tiến độ thực hiện dự án theo quy định. Hàng năm UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh về kết quả thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII, Kỳ họp thứ Năm nhất trí thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. / . *Trần Quốc Toàn*

Nơi nhận: *VT*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ huyện, thị xã, TP;
- Trung tâm Thông tin-Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Toàn

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÔNG TRÌNH/DỰ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH HUNG YÊN NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Loại công trình/dự án	Hiện trạng	Quy mô đầu tư (Dự kiến)	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Dự kiến)				Dự kiến KH vốn NS tỉnh năm 2022	Chủ đầu tư
							Tổng số	Trong đó:				
								NSTW	NS Tỉnh	NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ						899.214	-	300.000	599.214	300.000	
	Dự án nhóm C						88.100	-	30.000	58.100	30.000	
I	THÀNH PHỐ HUNG YÊN											
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Trung Nghĩa (đoạn 1, từ nhà ông Sinh đến sông Nguyễn; đoạn 2, từ nhà ông Chiến đến trạm bơm Tỉnh Linh)	TP HY	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 950m; chiều rộng Bm=7,0m	2021-2023	13.600		3.000	10.600	3.000	UBND xã Trung Nghĩa
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Hưng (đoạn từ Đình Cà đến nhà bà Thận thôn Tiền Phong)	TP HY	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1200m; chiều rộng Bm= 5,5m	2021-2023	9.800		4.500	5.300	4.500	UBND xã Tân Hưng
3	Nâng cấp đường giao thông xã Hồng Nam (đoạn từ chùa Tiểu đến nhà ông Trện)	TP HY	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 400m; chiều rộng Bm= 5,5m	2021-2023	6.000		2.500	3.500	2.500	UBND xã Hồng Nam
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh (đoạn từ nhà ông Vê đội 10 thôn Hà Châu đến giáp thôn Lê Lợi, xã Tân Hưng)	TP HY	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 800m; chiều rộng Bm= 5,5m	2021-2023	7.400		3.000	4.400	3.000	UBND xã Hoàng Hanh
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường (đoạn qua thôn Kệ Châu 1 và thôn Đông Hồng)	TP HY	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1130m; chiều rộng Bm= 3,5-5,5m	2021-2023	5.500		2.000	3.500	2.000	UBND xã Phú Cường
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quảng Châu (đoạn từ cổng xóm 8 giáp nhà ông Quỳnh đến cổng bến đò cạnh nhà anh Bá)	TP HY	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 550m; chiều rộng Bm= 7,5m	2021-2023	14.920		5.000	9.920	5.000	UBND xã Quảng Châu
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, đoạn từ nhà ông Qua đến đê Bối xã, thôn Phương Hoàng, xã Hùng Cường	TP HY	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 400m; chiều rộng Bm= 5,0m	2021-2023	6.950		2.500	4.450	2.500	UBND xã Hùng Cường
8	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Phương Chiểu	TP HY	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 400m; chiều rộng Bm= 5,5m	2021-2023	8.950		2.500	6.450	2.500	UBND xã Phương Chiểu
9	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng Trường Tiểu học xã Bảo Khê	TP HY	Trường	Xuống cấp và còn thiếu	Số phòng học: 12 phòng; tổng diện tích sàn xây dựng, S= 1500m2	2021-2023	14.980		5.000	9.980	5.000	UBND xã Bảo Khê
	II HUYỆN TIÊN LŨ						65.830	-	30.000	35.830	30.000	
10	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã An Viên (đoạn từ ĐH.72 vào khu dân cư mới thôn Nội Thượng và đoạn từ ngã tư đình Vô thôn An Xá đến ĐH.72 thôn An Xá)	H. TL	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1400m; chiều rộng Bm= 5,0-7,0m	2021-2023	7.500		3.000	4.500	3.000	UBND xã An Viên
11	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã An Viên (đoạn từ nhà Thảo Tường đến sông 61)	H. TL	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1150m; chiều rộng Bm= 3,5m	2021-2023	6.150		3.000	3.150	3.000	UBND xã An Viên

Brung



TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Loại công trình/dự án	Hiện trạng	Quy mô đầu tư (Dự kiến)	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Dự kiến)				Dự kiến KH vốn NS tỉnh năm 2022	Chủ đầu tư
							Tổng số	Trong đó:				
								NSTW	NS Tỉnh	NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
12	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Lương Trụ, xã Đức Thắng (tuyến 1, đoạn từ đường Mụ đến máng nổi; tuyến 2, đoạn từ đường trong đến máng nổi - Đồng xuôi)	H. TL	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1700m; chiều rộng Bm= 3,5m	2021-2023	6.200		3.000	3.200	3.000	UBND xã Đức Thắng
13	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thiện Phiến (đoạn từ cầu Chùa đi ngã 3 Mã Cản (cầu Thắt))	H. TL	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1100m; chiều rộng Bm= 3,5m	2021-2023	6.200		3.000	3.200	3.000	UBND xã Thiện Phiến
14	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hưng Đạo (tuyến 1, đoạn từ cổng Quán Hậu đến bãi rác đường ngang thôn Hậu Xá; tuyến 2, đoạn từ nhà ông Toán đi lên đường tránh 94 thôn Dung)	H. TL	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 850m; chiều rộng Bm= 3,5m	2021-2023	6.300		3.000	3.300	3.000	UBND xã Hưng Đạo
15	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hưng Đạo (đoạn từ nhà ông Đề nối đường chùa thôn Hậu Xá)	H. TL	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 850m; chiều rộng Bm= 4,0m	2021-2023	7.000		3.000	4.000	3.000	UBND xã Hưng Đạo
16	Xây dựng cầu GTNT nối thôn Tam Nông và Muội Sáng, xã Hưng Đạo	H. TL	Đường	Xuống cấp	Xây dựng cầu GTNT và cải tạo, nâng cấp đường dẫn đầu cầu (Bm=3,5m), L= 229m (Ln=9m)	2021-2023	11.500		5.000	6.500	5.000	UBND xã Hưng Đạo
17	Xây dựng cầu GTNT thôn Diềm Đông và cải tạo, nâng cấp đường dẫn đi cầu Mai Xá, xã Minh Phụng	H. TL	Đường	Xuống cấp	Xây dựng cầu GTNT và cải tạo, nâng cấp đường dẫn (Bm= 3,5m), L= 1312m (Ln=12m)	2021-2023	14.980		7.000	7.980	7.000	UBND xã Minh Phụng
III	HUYỆN PHÙ CỬ						69.860	-	30.000	39.860	30.000	
18	Nâng cấp đường giao thông liên thôn xã Nhật Quang (đoạn từ nhà ông Tạc đến nhà ông Hâm, thôn Quang Yên)	H. PC	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 760m; chiều rộng Bm= 5,0m	2021-2023	6.300		3.000	3.300	3.000	UBND xã Nhật Quang
19	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quang Hưng (đoạn từ nhà ông Bắc đến Cầu Trắng)	H. PC	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 400m; chiều rộng Bm= 3,5m	2021-2023	9.000		4.000	5.000	4.000	UBND xã Quang Hưng
20	Xây dựng cầu Phụng Hoàng và đường dẫn đầu cầu, xã Minh Tiến	H. PC	Đường	Xuống cấp	Xây dựng cầu GTNT và cải tạo, nâng cấp đường dọc bờ sông: chiều dài cầu Ln= 17,1m, chiều rộng mặt cầu Bm= 8m; chiều rộng đường Bm= 5,5m, chiều dài đường L= 500m	2021-2023	14.960		7.000	7.960	7.000	UBND xã Minh Tiến
21	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Khả Duy, xã Đoàn Đào (đoạn 1, từ nhà ông Đông đến nhà ông Đắc; đoạn 2, từ nhà ông Nhi đến nhà ông Đức)	H. PC	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 850m; chiều rộng Bm= 3,5m	2021-2023	6.700		3.000	3.700	3.000	UBND xã Đoàn Đào
22	Xây dựng cầu GTNT Phú Mãn, xã Phan Sào Nam	H. PC	Đường	Xuống cấp	Xây dựng cầu GTNT và đường 2 đầu cầu, chiều dài L= 165m; chiều dài cầu Ln= 15m, chiều rộng cầu Bm= 8,0m	2021-2023	14.900		6.000	8.900	6.000	UBND xã Phan Sào Nam
23	Cải tạo, nâng cấp 02 tuyến đường GTNT xã Tổng Phan	H. PC	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 740m; chiều rộng Bm= 5,0m	2021-2023	4.500		2.000	2.500	2.000	UBND xã Tổng Phan

Handwritten signature



TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Loại công trình/dự án	Hiện trạng	Quy mô đầu tư (Dự kiến)	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Dự kiến)				Dự kiến KH vốn NS tỉnh năm 2022	Chủ đầu tư
							Tổng số	Trong đó:				
								NSTW	NS Tỉnh	NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
24	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Hoàng	H. PC	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 4450m; chiều rộng Bm= 3,5-5,0m	2021-2023	13.500		5.000	8.500	5.000	UBND xã Minh Hoàng
							98.580	-	30.000	68.580	30.000	
IV HUYỆN AN THỊ												
25	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Xuân Trúc (đoạn từ đường bộ nối hai đường cao tốc đến ĐH.62)	H. AT	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1750m; chiều rộng Bm= 5,5m	2021-2023	13.800		5.000	8.800	5.000	UBND xã Xuân Trúc
26	Nhà văn hóa xã Quảng Lăng	H. AT	Nhà văn hóa	Chưa có	Diện tích xây dựng khoảng, S= 890m ²	2021-2023	12.000		2.500	9.500	2.500	UBND xã Quảng Lăng
27	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quảng Lăng (đoạn từ thôn Bình Cầu đến giáp thôn Xuân Nguyên, xã Xuân Trúc)	H. AT	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1420m; chiều rộng Bm= 4,0-5,0m	2021-2023	11.170		4.000	7.170	4.000	UBND xã Quảng Lăng
28	Nhà văn hóa xã Phù Ủng	H. AT	Nhà văn hóa	Chưa có	Diện tích xây dựng khoảng, S=890m ²	2021-2023	12.000		2.500	9.500	2.500	UBND xã Phù Ủng
29	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phù Ủng	H. AT	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 700m; chiều rộng Bm= 4,0-7,0m	2021-2023	5.500		2.500	3.000	2.500	UBND xã Phù Ủng
30	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn, xã Vân Du	H. AT	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1350m; chiều rộng Bm= 3,5m	2021-2023	4.720		1.500	3.220	1.500	UBND xã Vân Du
31	Trường THCS Vân Du	H. AT	Trường	Xuống cấp và còn thiếu	Số phòng học: 8 phòng; diện tích sàn xây dựng, S= 720m ²	2021-2023	6.000		2.000	4.000	2.000	UBND xã Vân Du
32	Trường Tiểu học Bắc Sơn	H. AT	Trường	Xuống cấp và còn thiếu	Số phòng học: 8 phòng; diện tích sàn xây dựng, S= 790m ²	2021-2023	7.000		2.000	5.000	2.000	UBND xã Bắc Sơn
33	Trường Tiểu học Bãi Sậy (Hạng mục: Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ)	H. AT	Trường	Xuống cấp	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng, S= 450m ²	2021-2023	6.900		2.500	4.400	2.500	UBND xã Bãi Sậy
34	Trường Tiểu học Tân Phúc (hạng mục: Nhà lớp học 6 phòng, nhà chức năng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ)	H. AT	Trường	Còn thiếu	Số phòng học: 12 phòng; tổng diện tích sàn xây dựng, S= 1273m ²	2021-2023	14.990		4.000	10.990	4.000	UBND xã Tân Phúc
35	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hoàng Hoa Thám (đoạn 1, từ nhà ông Trị đến cổng chùa An Đạm; đoạn 2, từ cây đa Nghè đến ngã tư đồng Đống và nhánh đoạn 2)	H. AT	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 930m; chiều rộng Bm= 3,0-3,5m	2021-2023	4.500		1.500	3.000	1.500	UBND xã Hoàng Hoa Thám
							88.625	-	30.000	58.625	30.000	
V HUYỆN KIM ĐỘNG												
36	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ngọc Thanh (Giai đoạn 1: đoạn từ chợ Gò đến giáp xã Bảo Khê)	H. KĐ	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1700m; chiều rộng Bm= 3,5-5,5m	2021-2023	14.942		7.000	7.942	7.000	UBND xã Ngọc Thanh
37	Nhà lớp học và các phòng học bộ môn Trường THCS Phạm Ngũ Lão	H. KĐ	Trường	Xuống cấp	Số phòng học: 6 phòng; tổng diện tích sàn xây dựng, S= 610m ²	2021-2023	6.500		3.000	3.500	3.000	UBND xã Phạm Ngũ Lão

Handwritten signature

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Loại công trình/dự án	Hiện trạng	Quy mô đầu tư (Dự kiến)	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Dự kiến)				Dự kiến KH vốn NS tỉnh năm 2022	Chủ đầu tư
							Tổng số	Trong đó:				
								NSTW	NS Tỉnh	NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
38	Xây dựng Nhà văn hóa xã Vĩnh Xá	H. KĐ	Nhà văn hóa	Xuống cấp	Diện tích xây dựng khoảng S= 520m ² ..	2021-2023	14.970		3.000	11.970	3.000	UBND xã Vĩnh Xá
39	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đồng Thanh (đoạn 1, từ trạm bơm cầu tre đến đường bê tông thôn Công Luận; đoạn 2, từ nhà ông Nén về rặng nhãn Khoái Châu; đoạn 3, đường mương cái cách từ nhà Phong Ảnh đến nhà ông Mạnh)	H. KĐ	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1400m; chiều rộng Bm= 3,0-4,0m	2021-2023	4.000		1.500	2.500	1.500	UBND xã Đồng Thanh
40	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn, xã Chính Nghĩa (đoạn đường liên xã đến trạm bơm Tạ Thượng 2 và đoạn từ cổng nhà ông Hiếu đến máng nôi)	H. KĐ	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1850m; chiều rộng Bm= 3,0-3,5m	2021-2023	9.500		3.000	6.500	3.000	UBND xã Chính Nghĩa
41	Trạm Y tế xã Hùng An	H. KĐ	Trạm y tế	Xuống cấp	Diện tích sàn xây dựng, S= 600m ²	2021-2023	11.263		3.500	7.763	3.500	UBND xã Hùng An
42	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thọ Vinh (đoạn từ ngã tư ĐH.53 đến đường ĐH.75)	H. KĐ	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1400m; chiều rộng Bm= 4,0-5,0m	2021-2023	14.950		4.000	10.950	4.000	UBND xã Thọ Vinh
43	Xây dựng nhà hiệu bộ; nhà lớp học bộ môn; các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học và THCS Nhân La	H. KĐ	Trường	Còn thiếu	Xây dựng nhà hiệu bộ và nhà lớp học: 14 phòng; tổng diện tích sàn xây dựng, S= 1672m ²	2021-2023	12.500		5.000	7.500	5.000	UBND xã Nhân La
VI	HUYỆN KHOÁI CHÂU						99.327	-	30.000	69.327	30.000	
44	Nhà lớp học 4 phòng Trường mầm non xã Ông Đình	H. KC	Trường	Còn thiếu	Số phòng học: 4 phòng; tổng diện tích sàn xây dựng, S= 700m ²	2021-2023	5.700		1.500	4.200	1.500	UBND xã Ông Đình
45	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Kiều (đoạn từ ĐT.383 đến thôn Ninh Vũ)	H. KC	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1500m; chiều rộng Bm= 7,0m	2021-2023	14.950		2.500	12.450	2.500	UBND xã Bình Kiều
46	Xây dựng nhà lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học và THCS Thành Công	H. KC	Trường	Còn thiếu	Số phòng học: 8 phòng; tổng diện tích sàn xây dựng, S= 813m ²	2021-2023	12.327		3.000	9.327	3.000	UBND xã Thành Công
47	Nhà lớp học và các phòng học chức năng; các hạng mục phụ trợ - Trường Tiểu học Đông Kết	H. KC	Trường	Còn thiếu	Xây dựng nhà lớp học và phòng học chức năng; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng, S= 500m ²	2021-2023	7.000		3.000	4.000	3.000	UBND xã Đông Kết
48	Xây dựng cầu Cau xã Thuận Hưng (cầu GTNT, đoạn từ ĐT.377 đến đường giao thông nội đồng thôn 3)	H. KC	Đường	Xuống cấp	Xây dựng cầu GTNT và đường dẫn đầu cầu, chiều dài đường dẫn L= 80m (chiều dài cầu Ln= 20m)	2021-2023	7.000		3.000	4.000	3.000	UBND xã Thuận Hưng
49	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thuận Hưng (đoạn từ nhà ông Hùng xóm 6 đi ĐT.377; từ ĐT.377 đến nhà bà Thu xóm 4)	H. KC	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1300m; chiều rộng Bm= 4,0-5,0m	2021-2023	4.200		2.000	2.200	2.000	UBND xã Thuận Hưng
50	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Chí Tân (đoạn từ đường ĐH.51 qua đầu đường Cỏ Eo đến trường THCS)	H. KC	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1560m; chiều rộng Bm= 3,5m	2021-2023	7.500		2.000	5.500	2.000	UBND xã Chí Tân
51	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông xã Liên Khê	H. KC	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1500m; chiều rộng Bm= 6,0m	2021-2023	10.000		4.000	6.000	4.000	UBND xã Liên Khê

Bưu

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Loại công trình/dự án	Hiện trạng	Quy mô đầu tư (Dự kiến)	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Dự kiến)				Dự kiến KH vốn NS tỉnh năm 2022	Chủ đầu tư
							Tổng số	Trong đó:				
								NSTW	NS Tỉnh	NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
52	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Dạ Trạch	H. KC	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1000m; chiều rộng Bm= 3,0m	2021-2023	3.500		1.500	2.000	1.500	UBND xã Dạ Trạch
53	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Dân Tiến (đoạn từ Trung tâm thương mại đi thôn Vân Tri)	H. KC	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 650m; chiều rộng Bm= 4,0-5,0m	2021-2023	7.800		2.000	5.800	2.000	UBND xã Dân Tiến
54	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Tảo	H. KC	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài khoảng L= 1740m; chiều rộng Bm= 3,0-4,0m	2021-2023	10.850		3.500	7.350	3.500	UBND xã Đông Tảo
55	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng	H. KC	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài khoảng L= 2000m; chiều rộng Bm= 3,0-5,0m	2021-2023	8.500		2.000	6.500	2.000	UBND xã Phùng Hưng
VII	HUYỆN YÊN MỸ						119.150	-	30.000	89.150	30.000	
56	Nhà lớp học 3 tầng 18 phòng - Trường THCS Ngọc Long	H. YM	Trường	Xuống cấp và còn thiếu	Số phòng học: 18 phòng; tổng diện tích sàn xây dựng, S= 2050m ²	2021-2023	19.500		3.000	16.500	3.000	UBND xã Ngọc Long
57	Nhà lớp học 3 tầng 18 phòng - Trường THCS Thanh Long	H. YM	Trường	Xuống cấp và còn thiếu	Số phòng học: 18 phòng; tổng diện tích sàn xây dựng, S= 2090m ²	2021-2023	20.000		3.000	17.000	3.000	UBND xã Thanh Long
58	Xây dựng cầu Ôc Nhiêu, xã Đồng Than	H. YM	Đường	Xuống cấp	Xây dựng cầu GTNT và cải tạo, nâng cấp đường dẫn, chiều dài cầu Ln= 25m; chiều rộng mặt Bm= 7,0m	2021-2023	12.000		3.000	9.000	3.000	UBND xã Đồng Than
59	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Châu	H. YM	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 700m; chiều rộng Bm= 3,0-5,0m	2021-2023	4.500		2.000	2.500	2.000	UBND xã Minh Châu
60	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường Tiểu học Yên Phú	H. YM	Trường	Xuống cấp và còn thiếu	Số phòng học: 10 phòng; tổng diện tích sàn xây dựng, S= 984m ²	2021-2023	9.500		2.000	7.500	2.000	UBND xã Yên Phú
61	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Mầm non Yên Phú	H. YM	Trường	Xuống cấp và còn thiếu	Số phòng học: 8 phòng; tổng diện tích sàn xây dựng, S= 800m ²	2021-2023	11.000		2.000	9.000	2.000	UBND xã Yên Phú
62	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Lập	H. YM	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 535m; chiều rộng Bm= 5,0-6,0m	2021-2023	7.500		2.000	5.500	2.000	UBND xã Tân Lập
63	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Lý Thường Kiệt	H. YM	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1500m; chiều rộng Bm= 3,5-4,5m	2021-2023	9.000		3.000	6.000	3.000	UBND xã Lý Thường Kiệt
64	Trạm y tế xã Tân Việt	H. YM	Trạm y tế	Xuống cấp	Tổng diện tích sàn xây dựng, S= 600m ² và các hạng mục phụ trợ	2021-2023	6.500		3.000	3.500	3.000	UBND xã Tân Việt
65	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Hoan Ái, xã Tân Việt	H. YM	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1600m; chiều rộng Bm= 3,5m	2021-2023	9.350		3.000	6.350	3.000	UBND xã Tân Việt

Brung

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Loại công trình/dự án	Hiện trạng	Quy mô đầu tư (Dự kiến)	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Dự kiến)				Dự kiến KH vốn NS tỉnh năm 2022	Chủ đầu tư
							Tổng số	Trong đó:				
								NSTW	NS Tỉnh	NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
66	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Nghĩa Xuyên, xã Trung Hòa	H. YM	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 460m; chiều rộng Bm= 3,0-3,5m	2021-2023	2.500		1.000	1.500	1.000	UBND xã Trung Hòa
67	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trung Hòa (đoạn qua các thôn Tam Trạch, thôn Bùi Xá)	H. YM	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1850m; chiều rộng Bm= 3,5m	2021-2023	7.800		3.000	4.800	3.000	UBND xã Trung Hòa
VIII	THỊ XÃ MỸ HẢO						68.710	-	30.000	38.710	30.000	
68	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bùi Bồng, xã Dương Quang	TX MH	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 900m; chiều rộng Bm= 4,0m	2021-2023	7.410		3.000	4.410	3.000	UBND xã Dương Quang
69	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Dương Xá, xã Dương Quang	TX MH	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 800m; chiều rộng Bm= 5,5m	2021-2023	8.770		4.000	4.770	4.000	UBND xã Dương Quang
70	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Ngọc Lâm (đoạn từ đường trục xã đến cổng làng thôn Ngọc Lăng)	TX MH	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 550m; chiều rộng Bm= 7,0m	2021-2023	7.500		3.000	4.500	3.000	UBND xã Ngọc Lâm
71	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Vinh Quang, xã Hưng Long	TX MH	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1200m; chiều rộng Bm= 7,5m	2021-2023	13.900		6.000	7.900	6.000	UBND xã Hưng Long
72	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hưng Long (đoạn từ bãi rác thôn Tân Hưng đến Mương Trần Thành Ngo)	TX MH	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1100m; chiều rộng Bm=7,5m	2021-2023	14.800		7.000	7.800	7.000	UBND xã Hưng Long
73	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và rãnh đoạn từ nhà ông A đến nhà quản trang thôn Xuân Đào, xã Xuân Dục	TX MH	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 700m; chiều rộng Bm= 5,5m	2021-2023	8.530		4.000	4.530	4.000	UBND xã Xuân Dục
74	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn từ trạm bơm Tiên Xá 3 đến đường ĐH.30, xã Cẩm Xá	TX MH	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 700m; chiều rộng Bm= 4,5m	2021-2023	7.800		3.000	4.800	3.000	UBND xã Cẩm Xá
IX	HUYỆN VĂN LÂM						98.900	-	30.000	68.900	30.000	
75	Xây dựng cầu Cồn, thôn Chùa, xã Minh Hải	H. VL	Đường	Xuống cấp	Xây dựng cầu GTNT và đường dẫn đầu cầu, chiều dài cầu Ln= 16m, chiều rộng mặt Bm= 9m	2021-2023	14.850		5.000	9.850	5.000	UBND xã Minh Hải
76	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu và đường GTNT xã Đình Dù	H. VL	Đường	Xuống cấp	Xây dựng kênh tiêu cống hộp bê tông cốt thép (chiều dài L= 500m, chiều rộng Bm= 1,5-2,0m), cải tạo, nâng cấp đường GTNT (chiều dài L= 1500m; chiều rộng mặt Bm= 3,5-5,0m)	2021-2023	14.950		5.000	9.950	5.000	UBND xã Đình Dù
77	Cầu trên sông Đình Dù (kết nối giao thông từ thôn Thọ Khang sang thôn Ngọc Loan), xã Tân Quang	H. VL	Đường	Xuống cấp	Xây dựng cầu GTNT và cải tạo, nâng cấp đường dẫn; chiều dài cầu Ln= 24m, chiều rộng mặt Bm= 7m	2021-2023	14.950		4.000	10.950	4.000	UBND xã Tân Quang
78	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Lạc Đạo (đoạn từ ĐT.385 đến nhà truyền thống cách mạng huyện Văn Lâm)	H. VL	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 3300m; chiều rộng Bm= 5,5-7,5m	2021-2023	14.950		3.000	11.950	3.000	UBND xã Lạc Đạo

Handwritten signature

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Loại công trình/dự án	Hiện trạng	Quy mô đầu tư (Dự kiến)	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Dự kiến)				Dự kiến KH vốn NS tỉnh năm 2022	Chủ đầu tư
							Tổng số	Trong đó:				
								NSTW	NS Tỉnh	NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
79	Xây dựng tuyến đường GTNT xã Lạc Đạo (đoạn từ đường gom đường sắt đến hết địa phận Công ty Đăng Hoàng)	H. VL	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 630m; chiều rộng Bm= 5,0m	2021-2023	7.500		2.000	5.500	2.000	UBND xã Lạc Đạo
80	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đại Đồng (đoạn từ xóm trên đi xóm Chợ, thôn Đại Từ)	H. VL	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 1400m; chiều rộng Bm= 3,5-5,0m	2021-2023	13.200		3.000	10.200	3.000	UBND xã Đại Đồng
81	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học xã Đại Đồng	H. VL	Trường	Xuống cấp và còn thiếu	Số phòng học: 8 phòng; tổng diện tích sàn xây dựng, S=800m ²	2021-2023	9.000		4.000	5.000	4.000	UBND xã Đại Đồng
82	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học xã Việt Hưng	H. VL	Trường	Xuống cấp và còn thiếu	Số phòng học: 6 phòng; tổng diện tích sàn xây dựng, S=680m ²	2021-2023	9.500		4.000	5.500	4.000	UBND xã Việt Hưng
X	HUYỆN VĂN GIANG						102.132	-	30.000	72.132	30.000	
83	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phụng Công (đoạn từ ĐT.378 đến bốt bảo vệ làng hoa)	H. VG	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 845m; chiều rộng Bm= 10,5m	2021-2023	14.000		4.000	10.000	4.000	UBND xã Phụng Công
84	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Tiến (đoạn từ ĐH.23 đến đường Thanh Niên)	H. VG	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 424m; chiều rộng Bm= 5,0m	2021-2023	4.700		2.000	2.700	2.000	UBND xã Tân Tiến
85	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Long Hưng (đoạn từ ĐH.26 đi kênh Tây)	H. VG	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 462m; chiều rộng Bm= 5,0m	2021-2023	5.500		2.500	3.000	2.500	UBND xã Long Hưng
86	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Nghĩa	H. VG	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 2196m; chiều rộng Bm= 3,5-4,0m	2021-2023	6.500		2.500	4.000	2.500	UBND xã Liên Nghĩa
87	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Khúc (đoạn từ ĐH.22 đến nhà ông Lợi làng Lương)	H. VG	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 385m; chiều rộng Bm= 5,0-6,0m	2021-2023	6.000		2.500	3.500	2.500	UBND xã Vĩnh Khúc
88	Nhà văn hóa thôn Du Tràng, xã Vĩnh Khúc	H. VG	Nhà văn hóa	Chưa có	Diện tích xây dựng khoảng, S= 320m ²	2021-2023	7.000		3.000	4.000	3.000	UBND xã Vĩnh Khúc
89	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng Trường Tiểu học xã Vĩnh Khúc xây mới nhà lớp học, 12 phòng)	H. VG	Trường	Xuống cấp và còn thiếu	Số phòng học: 12 phòng; tổng diện tích sàn xây dựng, S= 1370m ²	2021-2023	14.980		2.500	12.480	2.500	UBND xã Vĩnh Khúc
90	Nhà lớp học và một số phòng chức năng Trường Tiểu học xã Mễ Sở	H. VG	Trường	Xuống cấp và còn thiếu	Tổng diện tích sàn xây dựng, S= 1350m ²	2021-2023	14.980		3.000	11.980	3.000	UBND xã Mễ Sở
91	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Mễ Sở (đoạn từ Chùa Ao thôn Hoàng Trạch đến Kênh Tây)	H. VG	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 2900m; chiều rộng Bm= 3,5-5,0m	2021-2023	9.836		3.000	6.836	3.000	UBND xã Mễ Sở
92	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Xuân Quan (đoạn từ Nhà văn hóa thôn 4 đi Trường Tiểu học)	H. VG	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 700m; chiều rộng Bm= 6,0-7,5m	2021-2023	13.136		3.000	10.136	3.000	UBND xã Xuân Quan
93	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Quan (đoạn từ ĐT.379B đến Lòng đỏ thôn 4)	H. VG	Đường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tổng chiều dài L= 950m; chiều rộng Bm= 7,0m	2021-2023	5.500		2.000	3.500	2.000	UBND xã Xuân Quan